TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 319/2025 /HC-PT
Ngày 19 - 6 - 2025
V/v *khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực đất đai*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.
Các Thẩm phán : Ông Đặng Kim Nhân;
Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Tú Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*** Ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 155/2025/TLPT-HC ngày 11 tháng 4 năm 2025 về "*khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực đất đai*".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 97/2024/HC-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1630/2025/QĐPT-HC ngày 04 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Văn S, sinh năm 1938.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện P.

Trụ sở: thị trấn P, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Quốc D, Phó chủ tịch. Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Huỳnh Tấn N, Phó trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện P. Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1938; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.2. Ông Trần Tuấn H, sinh năm 1958; địa chỉ: thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3.3. Bà Trần Thị Bích T1, sinh năm 1965; địa chỉ: xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.4. Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3.5. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1970; địa chỉ: số B Hồ N, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

3.6. Bà Trần Thị Bích T2, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn D, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.7. Ông Trần Văn H2, sinh năm 1973; địa chỉ: xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

3.8. Ông Trần Văn H3, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thực hiện Dự án đường Quốc lộ 40B (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường tránh thị trấn T) đoạn qua xã T, Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện P, tỉnh Quảng Nam thu hồi đất của nhiều hộ dân, trong đó có đất của hộ ông Trần Văn S, vợ là bà Nguyễn Thị C. UBND huyện P xác định gia đình chỉ bị ảnh hưởng thửa đất số 621, tờ số 3 hộ ông S đã được cấp GCNQSD đất ngày 24/01/1995 và ban hành các Quyết định thu hồi đất, phê duyệt bồi thường cho hộ gia đình.

Ông Trần Văn S cho rằng ngoài diện tích đất trên gia đình còn có diện tích đất đang sử dụng chưa được cấp GCNQSD đất và đã khiếu nại. Ngày 27/7/2022, UBND huyện có Công văn số 858/UBND-BQLDA "V/v trả lời kiến nghị của ông Trần Văn S, trú tại thôn Đ, xã T, huyện P".

Đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2022, đơn bổ sung và lời trình bày của người khởi kiện (ông Trần Văn S) có nội dung:

Ông Trần Văn S cho rằng ngoài thửa đất đã được cấp GCN năm 1996, thực tế gia đình ông (ông và mẹ là bà Lê Thị C1) còn thửa đất khác liên tục quản lý, sử dụng đất từ trước năm 1975 đến nay có diện tích 3.500m^2 trong đó có khoảng 300m^2 bị thu hồi làm đường. Thửa đất này, năm 1991, ông S chia cho con trai là Trần Tuấn H 700m^2 để làm nhà ở, anh H đã được cấp Giấy chứng nhận số E0284597 do UBND thị xã T cấp ngày 24/01/1995 với số thửa 634, tờ bản đồ số 02, sau này đã chuyển nhượng cho ông Trần P. Phần diện tích còn lại bị UBND huyện P tự lấy để cấp cho ông Đỗ Ngọc D1 362m^2, ngoài ra ông D1 còn lấn thêm

của gia đình 944.4m^2 - Tổng cộng 1.306,4m^2 dẫn đến thửa đất của ông S chỉ còn 1.500m^2. Nay tiếp tục thu hồi đất để làm đường (khoảng 300m$^{2)}$ nhưng UBND huyện P cũng không có quyết định thu hồi đất cũng như bồi thường, không có Quyết định cưỡng chế (chỉ lập Biên bản cưỡng chế) - là trái pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông S.

Ông S đã làm đơn khiếu nại nhiều lần, nhưng đến ngày 27/7/2022, UBND huyện mới có Công văn số 858/UBND-BQLDA trả lời, nội dung trả lời không đầy đủ, cụ thể: Về lý do thu hồi 300m^2 của gia đình ông đang quản lý sử dụng ổn định trên 50 năm mà không ban hành Quyết định thu hồi đất, không bồi thường cho gia đình ông, không ban hành quyết định cưỡng chế.

Ông Trần Văn S yêu cầu Tòa án: Hủy Công văn số 858/UBND – BQLDA ngày 27/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Trần Văn S, trú tại thôn Đ, xã T, huyện P và buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết đinh thu hồi, bồi thường hỗ trợ đối với diện tích đất 300m^2 thuộc thửa đất số 758, tờ bản đồ số 3 tại thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện P *trình bày về yêu cầu khởi kiện:*

Về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Văn S: Theo hồ sơ kê khai, kiểm kê để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và hồ sơ xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã T đối với các trường hợp bị ảnh hưởng dự án đường Q (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường tránh thị trấn T) đoạn qua xã T thì hộ ông Trần Văn S chỉ bị ảnh hưởng thửa đất số 621, tờ số 3 (theo hồ sơ trích do phục vụ GPMB đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q phê duyệt ngày 17/01/2020 thì thửa đất này là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 6). Các chế độ, chính sách về bồi thường, hỗ trợ có liên quan được UBND huyện P phê duyệt tại các Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 14/4/2021, Quyết định số 6204/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 và Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 18/01/2021, với diện tích đất bị thu hồi là 162,5m^2, trong đó: đất ở nông thôn 28m^2, đất trồng cây lâu năm (đất vườn, ao: 134,5m^2 tại thửa đất số 21, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 384.491.631 đồng. Trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, GPMB hộ ông Trần Văn S không có ý kiến gì và đã thống nhất nhận tiền, bàn giao mặt bằng cho Nhà nước triển khai xây dựng công trình.

Đối với diện tích 300m^2 ông Trần Văn S yêu cầu:

- Theo hồ sơ trích do phục vụ GPMB dự án đường Q thì thửa đất số 758, tờ bản đồ số 3 tại thôn Đ, xã T, huyện P thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 6, diện tích bị ảnh hưởng trong dự án 195,2m^2. Hồ sơ lưu tại UBND xã T là thuộc quỹ đất công do UBND xã T quản lý, diện tích đất này chưa giao, nhưng ông Đỗ Ngọc D1 lấn chiếm sử dụng trồng cây lâu năm từ sau ngày 01/7/2004 đến nay. Theo hồ sơ kê khai, kiểm kê để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án đường

Quốc lộ D thì gia đình ông Trần Văn S không kê khai, kiểm kê đối với thửa số 758, tờ bản đồ số 3 (thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 6), hiện trạng không có tài sản trên đất.

- Theo hồ sơ 64/CP (Sổ mục kê), thửa số 758, tờ bản đồ số 3, có tổng diện tích 27.575m^2, loại đất RU/G (đất rừng trồng) thuộc quỹ đất công do UBND xã T quản lý, tên chủ sử dụng đất thể hiện trong số mục kê do UBND xã quản lý. Ông Trần Văn S không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của Điều 100, Luật Đất đai năm 2013 đối với diện tích 300m^2 thuộc thửa số 758, tờ bản đồ số 3 tại thôn Đ, xã T, huyện P, không kê khai, đăng ký hồ sơ địa chính qua các thời kỳ (theo Chỉ thị 299/TTg và hồ sơ 64/CP). Từ trước đến nay, ông Trần Văn S không quản lý, sử dụng đất không có tài sản trên diện tích khoảng 300m^2 thuộc thửa số 758, tờ bản đồ số 3 tại thôn Đ, xã T, huyện P.

UBND huyện P xác định: Ông Trần Văn S không có bất cứ một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 đối với thửa số 758, tờ bản đồ số 3; không trực tiếp sử dụng đất, không đăng ký kê khai và thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước đối với thửa đất số 758, tờ bản đồ số 3. Do vậy, UBND huyện không ban hành các quyết định cho hộ ông Trần Văn S khi thực hiện dự án đường Q (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường tránh thị trấn T, đoạn qua xã T, huyện P.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 97/2024/HC-ST ngày 22/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã Quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; Điều 158; điểm a, khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 3 Điều 49, khoản 6 Điều 50, khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003, Điều 106 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S về việc: Yêu cầu hủy Công văn số số 858/UBND – BQLDA ngày 27/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Trần Văn S, trú tại thôn Đ, xã T, huyện P và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường hỗ trợ đối với diện tích đất 300m^2 thuộc thửa đất số 758, tờ bản đồ số 3 tại thôn Đ, xã T, huyện P cho hộ ông Trần Văn S.

2 Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Văn S được miễn án phí Hành chính sơ thẩm.

Bản án còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 02/8/2025, ông Trần Văn S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Văn S giữ nguyên nội dung kháng cáo, giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Toà án cấp sơ thẩm về việc UBND huyện P thực tế thu hồi đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình nhưng không ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường và đã cưỡng chế trái pháp luật, ban hành Công văn số 858/UBND - BQLDA ngày 27/7/2022 trả lời không đúng, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đã được thực hiện đúng quy định; về việc giải quyết vụ án, toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng quy định của pháp luật xét xử bác yêu cầu khởi kiện là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện của ông Trần Văn S đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính; Điều 204 Luật đất đai năm 2013.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Văn S:

[2.1] Ông Trần Văn S yêu cầu Chủ Tịch Ủy ban nhân dân huyện P xem xét thực hiện thu hồi, bồi thường hỗ trợ đối với diện tích đất 300m^2 thuộc thửa đất số 758, tờ bản đồ số 3 tại thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, với lý do diện tích đất này gia đình ông sử dụng ổn định từ trước đến nay - nhưng ông vẫn thừa nhận gia đình không có giấy tờ gì về quyền sử dụng đất.

Tại phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của ông S xác nhận gia đình chưa kê khai, không đóng thuế hay thực hiện nghĩa vụ tài chính gì, hiện trạng khi thu hồi là đất trống.

[2.2] Xem xét hồ sơ địa chính lập qua các thời kỳ gồm bản đồ địa chính, sổ mục kê do UBND lưu giữ cung cấp cho Toà án thể hiện: cùng năm 1995, GCNQSD đất cấp cho ông S có nhiều thửa, trong đó có thửa đất thổ cư số 621. Cùng năm 1995, con trai ông là Trần H được cấp GCNQSD đất (sau này năm 2017 anh H đã chuyển nhượng lại cho anh P là con rể ông S) được cấp GCNQSD thửa 634 (nằm bên kia đường, đối diện thửa 621). Cùng Dự án thu hồi đất có phần diện tích thửa 621 của ông S, anh P cũng bị thu hồi toàn bộ thửa 634.

Diện tích 300m^2 đất ông S khiếu nại, cho rằng nằm cạnh thửa 634, nhưng vị trí đất này hồ sơ địa chính lập qua các thời kì, đều thể hiện nằm trong thửa 758, tờ bản đồ số 3, loại đất RU/G (đất rừng trồng) thuộc quỹ đất công do UBND xã T quản lý.

Ngày 19/7/2022, Ủy ban nhân dân huyện P làm việc với Ban quản lý quỹ đất, đại diện phòng T3, đại diện UBND xã T về việc thu hồi đất thực hiện Dự án, kết quả thống nhất hộ ông Trần Văn S chỉ kê khai đối với thửa đất số 621, tờ số 3 (theo hồ sơ trích do phục vụ GPMB đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q phê duyệt ngày 17/01/2020) và đã được hộ gia đình ông thống nhất bàn giao mặt bằng cho nhà nước triển khai thi công dự án và không khiếu nại gì. Phần diện tích ông S khiếu nại nằm trong thửa đất số 758, tờ bản đồ số 3 tại thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, ông Trần Văn S không có bất cứ một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 đối với thửa số 758, tờ bản đồ số 3; không trực tiếp sử dụng đất, không có đăng ký kê khai và thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước.

[2.3] Về việc ông Trần Văn S cho rằng ngoài 300m^2 trên, ông còn có diện tích liền kề có nguồn gốc ông cho ông Đỗ Ngọc D1 mượn và diện tích bị ông D1 lấn chiếm sử dụng trồng cây lâu năm từ sau ngày 01/7/2004 đến nay. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án có các tài liệu chứng cứ thể hiện do các bên đều không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và có yêu cầu giải quyết tranh chấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P đã giải quyết khiếu nại lần 1 bằng quyết định 1041/QĐ-UBND ngày 07/4/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q giải quyết lần 2 tại Quyết định số 2751/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 và các Quyết định này đã được Toà án xem xét giải quyết bằng vụ án hành chính (Bản án hành chính sơ thẩm số 144/2023/HC-ST ngày 21/8/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam, bản án hành chính phúc thẩm số 239/2024/HC-PT ngày 20/6/2024 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng), đều có nội dung không công nhận đất tranh chấp là của ông Trần Văn S. Do vậy không có cơ sở để ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 300m^2 thuộc thửa số 758, tờ bản đồ số 3 tại thôn Đ, xã T, huyện P cho hộ ông Trần Văn S cũng như phần đất ông D1 đang sử dụng, như ông S yêu cầu.

Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành công văn số 858/UBND - BQLDA về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Trần Văn S, trú tại thôn Đ, xã T, huyện P là có căn cứ, đúng quy định nên Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S1 là đúng.

[3] Ông Trần Văn S kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì mới chứng minh, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận.

[4] Ông Trần Văn S thuộc đối tượng được miễn và đã có đơn xin miễn nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của ông Trần Văn S, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 97/2024/HC-ST ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trần Văn S.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.